

VIWASE
ISO 9001:2008

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC VÀ MÔI TRƯỜNG VIỆT NAM
BÁO CÁO TÀI CHÍNH 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2016



Hà Nội - Tháng 08 năm 2016

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC VÀ MÔI TRƯỜNG VIỆT NAM

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH	
Bảng Cân đối kế toán	5 - 6
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ	8
Thuyết minh Báo cáo tài chính	9 - 28

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC VÀ MÔI TRƯỜNG VIỆT NAM

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nước và Môi trường Việt Nam trình bày Báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Nước và Môi trường Việt Nam (gọi tắt là “Công ty”) trước đây là một bộ phận của Viện thiết kế quy hoạch thành phố - Bộ Kiến trúc, cùng với sự phát triển của đất nước qua từng thời kỳ, Công ty được mang các tên gọi khác nhau là Đội thiết kế công nghệ - Viện Thiết kế Quy hoạch thành phố thuộc Bộ Kiến trúc, Viện Thiết kế Công trình kỹ thuật Thành phố - Bộ Kiến trúc; Xí nghiệp thiết kế cấp thoát nước - Bộ Xây dựng. Năm 1993, Xí nghiệp được thành lập lại là Công ty Thiết kế Cấp thoát Nước, doanh nghiệp Nhà nước trực thuộc Bộ Xây dựng theo Quyết định số 55A/BXD - TCLĐ ngày 05 tháng 5 năm 1993 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng. Ngày 27 tháng 4 năm 1995, Công ty Thiết kế Cấp thoát nước đổi tên thành Công ty Tư vấn Cấp thoát nước và Môi trường Việt Nam. Ngày 31 tháng 5 năm 2002, Công ty Tư vấn Cấp thoát nước và Môi trường Việt Nam đổi tên thành Công ty Nước và Môi trường Việt Nam.

Công ty chuyển mô hình hoạt động thành Công ty Cổ phần theo Quyết định số 1427/QĐ-BXD của Bộ trưởng Bộ Xây dựng ngày 16 tháng 10 năm 2006. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 0103014795 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 28 tháng 11 năm 2006, đăng ký thay đổi lần 05 ngày 28 tháng 01 năm 2016. Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là:

- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan: Tư vấn, lập và thẩm tra báo cáo đầu tư, dự án đầu tư xây dựng công trình, khảo sát, thiết kế, dự toán và tổng dự toán; Tư vấn đấu thầu; Quản lý dự án; Giám sát thi công xây dựng cho các công trình cấp nước, thoát nước, chất thải rắn và vệ sinh môi trường; Công trình dân dụng và công nghiệp; Công trình giao thông; Công trình thủy lợi; Công trình hạ tầng kỹ thuật; Công trình cấp điện động lực, điện dân dụng, điện chiếu sáng, đường dây điện cao thế và trạm biến áp; Lập quy hoạch chuyên ngành cấp thoát nước và vệ sinh môi trường; lập quy hoạch hạ tầng kỹ thuật đô thị, lập quy hoạch chi tiết xây dựng cho: Đô thị, nông thôn và khu công nghiệp, khu công nghệ cao, cụm công nghiệp; Thiết kế, lập tổng dự toán và dự toán thẩm tra thiết kế các công trình dân dụng và công nghiệp; Hoạt động thăm dò địa chất, nguồn nước; Hoạt động đo đạc bản đồ; Khảo sát địa hình, địa chất công trình, môi sinh, môi trường, thí nghiệm không khí, đất và nước; Thí nghiệm chuyên ngành xây dựng; Kiểm định chất lượng công trình;
- Khai thác, xử lý và cung cấp nước;
- Xây dựng công trình công ích: đầu tư xây dựng các công trình cấp thoát nước và vệ sinh môi trường, các công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị, khu công nghiệp;

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 29.998.490.000 đồng.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: Vietnam Water, Sanitation and Environment Joint Stock Company. Tên viết tắt: VIWASE.

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 5 Đường Thành, phường Cửa Đông, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Như Hà	Chủ tịch
Ông Lê Văn Tuấn	Ủy viên
Ông Đoàn Nam Anh	Ủy viên
Ông Trần Đức Toàn	Ủy viên
Ông Nguyễn Thanh Hải	Ủy viên
Ông Phùng Ngọc Quang	Ủy viên

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC VÀ MÔI TRƯỜNG VIỆT NAM

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Ban Tổng Giám đốc

Ông Lê Văn Tuấn	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Thanh Hải	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Thành Tài	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Mạnh Hùng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Hiền Hoà	Phó Tổng Giám đốc

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 6.732.182.043 đồng.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 6.732.182.043 đồng.

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Theo nhận định của Ban Tổng Giám đốc, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính kèm theo.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Hợp danh Kiểm toán Việt Nam (CPA VIETNAM) - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Stephens đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 của Công ty.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý Báo cáo tài chính để Báo cáo tài chính không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC VÀ MÔI TRƯỜNG VIỆT NAM

cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện Ban Tổng Giám đốc,



Lê Văn Tuấn
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 01 tháng 08 năm 2016.

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Số chứng thực: 4403... Quyền số: 01... SCT/BS

Ngày: 16-11-2016



CHỦ TỊCH
Trần Xuân Hà

ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC VÀ MÔI TRƯỜNG VIỆT NAM

Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

Mẫu B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2016

TÀI SẢN	MS	TM	30/06/2016	01/01/2016
			VND	VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+120+130+140+150)	100		67.633.998.228	83.198.046.788
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	24.904.813.148	29.485.535.133
1. Tiền	111		3.804.813.148	13.165.535.133
2. Các khoản tương đương tiền	112		21.100.000.000	16.320.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5.2	-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		27.907.018.426	33.560.533.598
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	8.748.879.797	12.155.715.548
2. Trả trước cho người bán	132	5.4	3.645.626.079	3.073.219.041
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.5	15.512.512.550	18.331.599.009
IV. Hàng tồn kho	140		14.181.787.181	18.496.770.358
1. Hàng tồn kho	141	5.6	14.181.787.181	18.496.770.358
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		640.379.473	1.655.207.699
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.8	481.327.578	778.515.156
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152	5.11	-	42.059.175
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.11	159.051.895	834.633.368
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+240+250+260)	200		26.516.940.332	19.342.026.458
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220	5.7	5.647.774.895	5.896.439.213
1. Tài sản cố định hữu hình	221		5.527.510.885	5.728.031.887
- Nguyên giá	222		7.926.775.233	7.926.775.233
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(2.399.264.348)	(2.198.743.346)
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.7	120.264.010	168.407.326
- Nguyên giá	228		288.859.900	288.859.900
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(168.595.890)	(120.452.574)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		2.365.927.192	76.549.000
1. Chi phí SX, KD dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		2.365.927.192	76.549.000
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	5.2	18.305.362.110	12.973.362.110
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		15.721.749.605	10.389.749.605
3. Đầu tư tư góp vốn vào đơn vị khác	253		2.750.000.000	2.750.000.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(166.387.495)	(166.387.495)
VI. Tài sản dài hạn khác	260		197.876.135	395.676.135
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.8	197.876.135	395.676.135
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		94.150.938.560	102.540.073.246

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC VÀ MÔI TRƯỜNG VIỆT NAM
 Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

Mẫu B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)
 Tại ngày 30 tháng 06 năm 2016

NGUỒN VỐN	MS	TM	30/06/2016	01/01/2016
			VND	VND
C. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330)	300		47.739.042.403	64.637.392.923
I. Nợ ngắn hạn	310		47.739.042.403	64.637.392.923
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.9	1.025.132.085	1.430.605.485
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.10	28.535.613.756	37.938.703.301
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.11	1.400.002.778	954.590.491
4. Phải trả người lao động	314		4.615.106.962	2.740.004.054
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.12	9.351.961.992	19.608.522.449
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		2.811.224.830	1.964.967.143
II. Nợ dài hạn	330		-	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410+430)	400		46.411.896.157	37.902.680.323
I. Vốn chủ sở hữu	410	5.13	46.401.896.157	37.892.680.323
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		29.998.490.000	21.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		29.998.490.000	21.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		28.754.235	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		11.578.969.036	10.160.498.280
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		4.795.682.886	6.732.182.043
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		-	-
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		4.795.682.886	6.732.182.043
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		10.000.000	10.000.000
1. Nguồn kinh phí	431		10.000.000	10.000.000
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		94.150.938.560	102.540.073.246

Người lập



Lê Thị Thu Hương

Kế toán trưởng



Ngô Lan Phương

Hà Nội, ngày 01 tháng 08 năm 2016

Giám đốc



Lê Văn Tuấn

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC VÀ MÔI TRƯỜNG VIỆT NAM
 Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

Mẫu B 02 - DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
 Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

CHỈ TIÊU	MS	TM	Kỳ hoạt động từ	Năm 2015
			01/01/2016 đến 30/06/2016 VND	VND
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		58.212.635.443	112.307.607.395
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10	5.15	58.212.635.443	112.307.607.395
4. Giá vốn hàng bán	11	5.16	49.081.928.530	96.372.934.993
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		9.130.706.913	15.934.672.402
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.17	820.970.232	1.493.044.516
7. Chi phí tài chính	22	5.18	4.928.173	166.932.772
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	24		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	5.19	3.911.193.337	9.011.797.749
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(24+25)}	30		6.035.555.635	8.248.986.397
11. Thu nhập khác	31		29.409.091	399.903.803
12. Chi phí khác	32		-	151.826.240
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40	5.20	29.409.091	248.077.563
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)	50		6.064.964.726	8.497.063.960
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.21	1.269.281.840	1.764.881.917
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		4.795.682.886	6.732.182.043
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.22	1.674	3.206

Người lập

Lê Thị Thu Hương

Kế toán trưởng

Ngô Lan Phương

Hà Nội, ngày 01 tháng 08 năm 2016

Tổng Giám đốc



Lê Văn Tuấn

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC VÀ MÔI TRƯỜNG VIỆT NAM
 Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

Mẫu B 03 - DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(theo phương pháp trực tiếp)

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

CHỈ TIÊU	MS	TM	Kỳ hoạt động từ 01/01/2016 đến 30/06/2016		Năm 2015	
			VND	VND	VND	VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh:						
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		56.385.825.573		122.592.845.925	
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(27.606.017.821)		(65.440.010.794)	
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(23.570.470.444)		(43.428.468.211)	
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		(843.758.773)		(1.606.001.480)	
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		1.303.452.973		4.229.909.285	
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(13.250.173.478)		(994.396.098)	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(7.581.141.970)		15.353.878.627	
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư						
1. Tiền chi để mua sắm, XD TSCĐ và các TSDH khác	21		(1.510.437.227)		(217.417.000)	
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22		-		568.550.000	
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(5.332.000.000)		-	
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		815.911.162		1.053.275.600	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(6.026.526.065)		1.404.408.600	
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính						
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp từ CSH	31		9.027.244.235		-	
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-		(6.668.251.248)	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		9.027.244.235		(6.668.251.248)	
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		(4.580.423.800)		10.090.035.979	
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		29.485.535.133		19.405.691.974	
Ảnh hưởng của thay đổi TG hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(298.185)		(308.546)	
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	5.1	24.904.813.148		29.495.419.407	

Người lập

Kế toán trưởng

Hà Nội, ngày 01 tháng 08 năm 2016

Trưởng Giám đốc



Lê Thị Thu Hương

Ngô Lan Phương

Lê Văn Tuấn

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC VÀ MÔI TRƯỜNG VIỆT NAM

Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B 09 - DN

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Nước và Môi trường Việt Nam (gọi tắt là “Công ty”) trước đây là một bộ phận của Viện thiết kế quy hoạch thành phố - Bộ Kiến trúc, cùng với sự phát triển của đất nước qua từng thời kỳ, Công ty được mang các tên gọi khác nhau là Đội thiết kế công nghệ - Viện Thiết kế Quy hoạch thành phố thuộc Bộ Kiến trúc, Viện Thiết kế Công trình kỹ thuật Thành phố - Bộ Kiến trúc; Xí nghiệp thiết kế cấp thoát nước - Bộ Xây dựng. Năm 1993, Xí nghiệp được thành lập lại là Công ty Thiết kế Cấp thoát nước, doanh nghiệp Nhà nước trực thuộc Bộ Xây dựng theo Quyết định số 55A/BXD - TCLĐ ngày 05 tháng 5 năm 1993 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng. Ngày 27 tháng 4 năm 1995, Công ty Thiết kế Cấp thoát nước đổi tên thành Công ty Tư vấn Cấp thoát nước và Môi trường Việt Nam. Ngày 31 tháng 5 năm 2002, Công ty Tư vấn Cấp thoát nước và Môi trường Việt Nam đổi tên thành Công ty Nước và Môi trường Việt Nam.

Công ty chuyển mô hình hoạt động thành Công ty Cổ phần theo Quyết định số 1427/QĐ-BXD của Bộ trưởng Bộ Xây dựng ngày 16 tháng 10 năm 2006. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 0103014795 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 28 tháng 11 năm 2006, đăng ký thay đổi lần 05 ngày 28 tháng 01 năm 2016.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần 05 ngày 28 tháng 01 năm 2016 là 29.998.490.000 đồng.

Sở hữu vốn:

<u>Cổ đông</u>	<u>Số cổ phần</u>	<u>VND</u>	<u>Tỷ lệ sở hữu</u>
Tổng Công ty Tư vấn Xây dựng Việt Nam	1.060.500	10.605.000.000	35,35%
Các cổ đông khác	1.939.349	19.393.490.000	64,65%
Tổng	2.999.849	29.998.490.000	100%

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 5 Đường Thành, phường Cửa Đông, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

1.2. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan: khảo sát địa hình, địa chất, địa chất công trình, địa chất thủy văn, môi sinh, môi trường, thí nghiệm không khí, đất và nước; thiết kế, lập tổng dự toán và dự toán và thẩm tra thiết kế, tổng dự toán và dự toán các công trình dân dụng công nghiệp; tư vấn, tổng thầu tư vấn, khảo sát, thiết kế, quản lý dự án các công trình cấp, thoát nước, chất thải rắn và vệ sinh môi trường, bao gồm: lập và thẩm tra các Báo cáo đầu tư, dự án đầu tư xây dựng công trình, hồ sơ thiết kế, tổng dự toán; tư vấn đấu thầu và hợp đồng kinh tế về tư vấn, xây lắp, cung cấp vật tư, thiết bị, tư vấn quản lý dự án, tư vấn giám sát thi công lắp đặt; thiết kế điện động lực, điện dân dụng, điện chiếu sáng, đường dây tải điện và trạm biến thế điện; quản lý thực hiện các dự án đầu tư xây dựng; giám sát thi công xây dựng; lập quy hoạch chuyên ngành cấp thoát nước và vệ sinh môi trường, quy hoạch hạ tầng kỹ thuật đô thị, khu công nghiệp; tổng thầu thực hiện các dự án cấp thoát nước theo hình thức chìa khoá trao tay;
- Khai thác, xử lý và cung cấp nước;
- Xây dựng công trình công ích: đầu tư xây dựng các công trình cấp thoát nước và vệ sinh môi trường, các công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị, khu công nghiệp;

Hoạt động chính của Công ty trong 6 tháng đầu năm 2016 là: tư vấn, khảo sát, thiết kế, quản lý các dự án công trình cấp thoát nước và vệ sinh môi trường.

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC VÀ MÔI TRƯỜNG VIỆT NAM

Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

1.3. Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 30/06/2016, Công ty có các công ty liên doanh, liên kết và các khoản đầu tư như sau:

STT	Tên công ty liên doanh, liên kết	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ	Hoạt động chính
1	Công ty TNHH Cấp nước Yên Lập - Quảng Ninh	18,56%	18,56%	SX, KD nước sạch
2	Công ty CP Đầu tư phát triển An Việt	42,65%	42,65%	Khai thác và KD nước sạch
3	Công ty CP Nước, MT và HTKT Sài Gòn	48,81%	48,81%	Tư vấn
4	Công ty CP TV và ĐTXD Hạ tầng Phương Đông	48,97%	48,97%	Tư vấn
5	Công ty CP TV và ĐTXD Hạ tầng Lạc Việt	44,48%	44,48%	Tư vấn

1.4. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính là có thể so sánh được.

2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**Kỳ kế toán**

Kỳ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND)

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam đã được ban hành và có hiệu lực liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016.

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC VÀ MÔI TRƯỜNG VIỆT NAM

Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền: Bao gồm Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn) và các khoản tương đương tiền

Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thực tế phát sinh thu-chi.

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh liên kết và đầu tư khác

- Đầu tư vào công ty con: Các khoản đầu tư vào các công ty con mà công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc trên Báo cáo tài chính.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

- Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh: Các khoản đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty liên kết sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

- Các khoản đầu tư khác: Được ghi nhận theo phương pháp giá gốc

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được trích lập khi các công ty này bị lỗ dẫn đến nhà đầu tư có khả năng mất vốn hoặc khoản dự phòng do suy giảm giá trị các khoản đầu tư vào các công ty này (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư). Mức trích lập dự phòng tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các tổ chức kinh tế theo hướng dẫn tại Thông tư 89/2013/TT-BTC ngày 28/6/2013.

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC VÀ MÔI TRƯỜNG VIỆT NAM

Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản Nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản Nợ phải thu bao gồm phải thu khách hàng và phải thu khác được ghi nhận theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua (là đơn vị độc lập với người bán, gồm cả các khoản phải thu giữa công ty mẹ và công ty con, liên doanh, liên kết). Khoản phải thu này gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu của bên giao ủy thác thông qua bên nhận ủy thác. Các khoản phải thu thương mại được ghi nhận phù hợp với chuẩn mực doanh thu về thời điểm ghi nhận căn cứ theo hóa đơn, chứng từ phát sinh.
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không mang tính thương mại.
- Phải thu nội bộ gồm các khoản phải thu các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.

Các khoản phải thu được phân loại là Ngắn hạn và Dài hạn trên Bảng Cân đối kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày lập Báo cáo Tài chính.

Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp nhập trước xuất trước.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình và vô hình

Công ty quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ theo hướng dẫn tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013.

a. Nguyên tắc kế toán

Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phân ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC VÀ MÔI TRƯỜNG VIỆT NAM

Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

b. Phương pháp khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	<u>Kỳ hoạt động từ 01/01/2016</u> <u>đến 30/06/2016</u> (số năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 50
Máy móc, thiết bị	03 - 12
Phương tiện vận tải truyền dẫn	10 - 30
Thiết bị, dụng cụ quản lý	05

Nguyên tắc kế toán chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí sản xuất kinh doanh của các kỳ kế toán sau.

Chi phí trả trước: được ghi nhận theo giá gốc và được phân loại theo ngắn hạn và dài hạn trên Bảng Cân đối kế toán căn cứ vào thời gian trả trước của từng hợp đồng.

Chi phí trả trước dài hạn liên quan đến công cụ và dụng cụ được phản ánh ban đầu theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng và phân bổ không quá 24 tháng.

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán : gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Công ty, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, công ty liên doanh, liên kết). Khoản phải trả này gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác (trong giao dịch nhập khẩu ủy thác)
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.
- Phải trả nội bộ gồm các khoản phải trả các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC VÀ MÔI TRƯỜNG VIỆT NAM

Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận sau thuế của Công ty được trích chia cổ tức cho các cổ đông sau khi được phê duyệt bởi Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty và sau khi đã trích lập các quỹ dự trữ theo Điều lệ của Công ty.

Cổ tức được công bố và chi trả dựa trên số lợi nhuận ước tính đạt được. Cổ tức chính thức được công bố và chi trả trong niên độ kế tiếp từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối căn cứ vào sự phê duyệt của Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu thương mại

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC VÀ MÔI TRƯỜNG VIỆT NAM

Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

Đối với tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác: Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Bao gồm giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư bán trong năm (kể cả chi phí khấu hao; chi phí sửa chữa;) được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã tiêu thụ trong năm.

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

- Các khoản lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính:

- Chi phí đi vay: Ghi nhận hàng tháng căn cứ trên khoản vay, lãi suất vay và số ngày vay thực tế.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC VÀ MÔI TRƯỜNG VIỆT NAM

Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Các bên liên quan**

Được coi là các bên liên quan: Công ty Mẹ, các Công ty con của Công ty Mẹ, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Tổng Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những Công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
Tiền mặt	1.895.713.686	134.643.991
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	1.909.099.462	13.030.891.142
Các khoản tương đương tiền	21.100.000.000	16.320.000.000
Tổng	24.904.813.148	29.485.535.133

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC VÀ MÔI TRƯỜNG VIỆT NAM

Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

5.2 Đầu tư tài chính

5.2.1. Ngắn hạn

5.2.2. Dài hạn

b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	30/06/2016 (VND)			01/01/2016 (VND)		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	15.721.749.605	15.721.749.605	-	10.389.749.605	10.389.749.605	-
Cty TNHH Cấp nước Yên Lập	882.000.000	882.000.000	-	882.000.000	882.000.000	-
- Quảng Ninh	10.664.000.000	10.664.000.000	-	5.332.000.000	5.332.000.000	-
Công ty CP Đầu tư Phát triển An Việt	1.855.800.000	1.855.800.000	-	1.855.800.000	1.855.800.000	-
Công ty CP Nước, MT và HKT Sài Gòn	1.385.860.000	1.385.860.000	-	1.385.860.000	1.385.860.000	-
Công ty CP TV và ĐTXD Hạ tầng Phương Đông	934.089.605	934.089.605	-	934.089.605	934.089.605	-
Công ty CP TV và ĐTXD Hạ tầng Lạc Việt	2.750.000.000	2.583.612.505	(166.387.495)	2.750.000.000	2.583.612.505	(166.387.495)
Đầu tư dài hạn khác	750.000.000	750.000.000	-	750.000.000	750.000.000	-
Công ty CP BĐS Lilama Land	2.000.000.000	1.833.612.505	(166.387.495)	2.000.000.000	1.833.612.505	(166.387.495)
Công ty CP BĐS An Việt						
Tổng	18.471.749.605	18.305.362.110	(166.387.495)	13.139.749.605	12.973.362.110	(166.387.495)

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC VÀ MÔI TRƯỜNG VIỆT NAM

Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**5.2. Đầu tư tài chính (Tiếp theo)****5.2.2. Dài hạn (Tiếp theo)**

Chi tiết các công ty liên doanh, liên kết như sau:

STT	Tên công ty liên doanh, liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ động chính	Hoạt động
1	Cty TNHH Cấp nước Yên Lập - Quảng Ninh	Xã Minh Thành, huyện Yên Hưng, tỉnh Quảng Ninh	18,56%	18,56%	SX, KD nước sạch
2	Công ty CP Đầu tư Phát triển An Việt	Đường Lê Quang Đạo, phường Đông Ngàn, Tx Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh	42,65%	42,65%	Khai thác và KD nước sạch
3	Công ty CP Nước, MT và HTKT Sài Gòn	179 Đinh Tiên Hoàng, phường ĐaKao, quận 1, TP HCM	48,81%	48,81%	Tư vấn
4	Công ty CP TV và ĐTXD Hạ tầng Phương Đông	Số 9 Đường Thành, phường Cửa Đông, quận Hoàn Kiếm, TP Hà Nội	48,97%	48,97%	Tư vấn
5	Công ty CP TV và ĐTXD Hạ tầng Lạc Việt	số 9 Đường Thành, phường Cửa Đông, quận Hoàn Kiếm, TP Hà Nội	44,48%	44,48%	Tư vấn

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC VÀ MÔI TRƯỜNG VIỆT NAM

Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

5.3 Phải thu khách hàng

	30/06/2016 VND	01/01/2016 VND
Phải thu của khách hàng ngắn hạn	8.748.879.797	12.155.715.548
<i>BQLDA tín dụng Jica SPI VI</i>	253.748.900	3.106.226.900
<i>- Công ty TNHH ITV KDNS tỉnh Lào Cai</i>	1.184.800.000	592.400.000
<i>BQL dự án phát triển hạ tầng kỹ thuật</i>	458.528.800	1.252.526.400
<i>Công ty TNHH ITV thoát nước Hà Nội</i>	1.745.464.000	1.745.464.000
<i>Trung tâm nước sinh hoạt và VSMT nông thôn Vĩnh Phúc</i>	5.106.338.097	5.459.098.248
<i>Các đối tượng khác</i>	-	-
Trong đó: phải thu các bên liên quan	-	-
Tổng	8.748.879.797	12.155.715.548

5.4 Trả trước cho người bán

	30/06/2016 VND	01/01/2016 VND
Trả trước cho người bán ngắn hạn	3.645.626.079	3.073.219.041
<i>TCT tư vấn XD Thủy Lợi VN - CTCP</i>	931.856.000	931.856.000
<i>Công ty cổ phần Thương máy Tân Tiến</i>	962.657.333	415.992.148
<i>Công ty CP nước, môi trường và HTKT Sài Gòn (Sài Gòn Weico)</i>	1.382.512.853	1.356.771.000
<i>Các khoản trả trước cho người bán khác</i>	368.599.893	368.599.893
Trong đó: Trả trước cho các bên liên quan	1.382.512.853	1.356.771.000
<i>Công ty CP nước, môi trường và HTKT Sài Gòn (Sài Gòn Weico)</i>	1.382.512.853	1.356.771.000
Tổng	3.645.626.079	3.073.219.041

5.5 Phải thu khác

	30/06/2016 (VND)		01/01/2016 (VND)	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) Ngắn hạn	15.512.512.550	-	18.331.599.009	-
Phải thu người lao động	1.533.006.432	-	1.830.489.619	-
Phải thu người lao động về thuế TNCN	486.360.083	-	521.928.959	-
Tiền cổ tức phải thu	-	-	185.580.000	-
Tạm ứng	13.263.226.436	-	11.979.029.441	-
Phải thu khác	229.919.599	-	3.814.570.990	-
Tổng	15.512.512.550	-	18.331.599.009	-

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC VÀ MÔI TRƯỜNG VIỆT NAM

Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

5.6 Hàng tồn kho

	30/06/2016 (VND)		01/01/2016 (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công cụ, dụng cụ	-	-	-	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	14.181.787.181	-	18.496.770.358	-
Tổng	14.181.787.181	-	18.496.770.358	-

5.7 Tài sản cố định

a. Tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Tổng cộng
NGUYỄN GIÁ				
Số dư tại 01/01/2016	4.595.204.098	658.326.374	2.673.244.761	7.926.775.233
Tăng trong kỳ	-	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-
Số dư tại 30/06/2016	<u>4.595.204.098</u>	<u>658.326.374</u>	<u>2.673.244.761</u>	<u>7.926.775.233</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Số dư tại 01/01/2016	1.183.446.232	379.451.847	635.845.267	2.198.743.346
Tăng trong kỳ	51.179.988	27.430.254	121.910.760	200.521.002
Khấu hao trong kỳ	51.179.988	27.430.254	121.910.760	200.521.002
Giảm trong kỳ	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-
Số dư tại 30/06/2016	<u>1.234.626.220</u>	<u>406.882.101</u>	<u>757.756.027</u>	<u>2.399.264.348</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại 01/01/2016	<u>3.411.757.866</u>	<u>278.874.527</u>	<u>2.037.399.494</u>	<u>5.728.031.887</u>
Tại 30/06/2016	<u>3.360.577.878</u>	<u>251.444.273</u>	<u>1.915.488.734</u>	<u>5.527.510.885</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC VÀ MÔI TRƯỜNG VIỆT NAM

Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

5.7 Tài sản cố định (Tiếp theo)

b. Tài sản cố định vô hình

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Phần mềm máy tính	Tổng
NGUYÊN GIÁ		
Số dư tại 01/01/2016	288.859.900	288.859.900
Tăng trong kỳ	-	-
Mua trong kỳ	-	-
Giảm trong kỳ	-	-
Số dư tại 30/06/2016	<u>288.859.900</u>	<u>288.859.900</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Số dư tại 01/01/2016	120.452.574	120.452.574
Tăng trong kỳ	48.143.316	48.143.316
Khấu hao trong kỳ	48.143.316	48.143.316
Giảm trong kỳ	-	-
Số dư tại 30/06/2016	<u>168.595.890</u>	<u>168.595.890</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại 01/01/2016	<u>168.407.326</u>	<u>168.407.326</u>
Tại 30/06/2016	<u>120.264.010</u>	<u>120.264.010</u>

5.8 Chi phí trả trước

	Kỳ hoạt động từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND	Năm 2015 VND
Tại ngày 01 tháng 01	1.174.191.291	872.156.398
Tăng	92.070.000	778.515.156
Giảm trong kỳ	587.057.578	476.480.263
- <i>Kết chuyển chi phí</i>	587.057.578	476.480.263
Tại ngày cuối kỳ	<u>679.203.713</u>	<u>1.174.191.291</u>
	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
a) Ngắn hạn	<u>481.327.578</u>	<u>778.515.156</u>
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	481.327.578	778.515.156
b) Dài hạn	<u>197.876.135</u>	<u>395.676.135</u>
Chênh lệch giá trị phần vốn Nhà nước tại doanh nghiệp khi XDGTĐN cổ phần hóa	197.876.135	395.676.135
Tổng	<u>679.203.713</u>	<u>1.174.191.291</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC VÀ MÔI TRƯỜNG VIỆT NAM
 Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

5.9 Phải trả người bán ngắn hạn

	30/06/2016 (VND)		01/01/2016 (VND)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	1.025.132.085	1.025.132.085	1.430.605.485	1.430.605.485
Ban QLDA KV Đầu tư và XD huyện Cần Giờ	171.999.520	171.999.520	171.999.520	171.999.520
Công ty CP Đầu tư, Công nghệ MT và HTKT Lạc Việt (LAVIC)	178.588.703	178.588.703	178.588.703	178.588.703
CTCP tư vấn ĐT XD Việt Vương	194.642.804	194.642.804	146.846.804	146.846.804
Công ty CP TV XD Giao thông Lào Cai	371.271.822	371.271.822	371.271.822	371.271.822
Phải trả các đối tượng khác	108.629.236	108.629.236	561.898.636	561.898.636
Trong đó: phải trả là các bên liên quan	245.442.940	245.442.940	485.442.940	485.442.940
Cty CP Tư vấn và ĐTXD Hạ tầng Phương Đông (OCI)	-	-	240.000.000	240.000.000
Công ty CP nước, môi trường và HTKT Sài Gòn (Sài Gòn Weico)	66.854.237	66.854.237	66.854.237	66.854.237
Công ty CP Đầu tư, Công nghệ MT và HTKT Lạc Việt (LAVIC)	178.588.703	178.588.703	178.588.703	178.588.703
Tổng	1.025.132.085	1.025.132.085	1.430.605.485	1.430.605.485

5.10 Người mua trả tiền trước

	30/06/2016 VND	01/01/2016 VND
a) Người mua trả tiền trước ngắn hạn	28.535.613.756	37.938.703.301
BQL DA Thoát nước Hà Nội	3.299.553.462	9.981.842.076
Ban quản lý Đầu tư Xây dựng Công trình Giao thông Đô thị thành phố	6.997.741.171	7.208.086.457
Người mua trả tiền trước khác	18.238.319.123	20.748.774.768
b) Các khoản phải trả người bán dài hạn		
Tổng	28.535.613.756	37.938.703.301

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC VÀ MÔI TRƯỜNG VIỆT NAM

Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

5.11 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Đơn vị tính: VND

	Dư nợ 01/01/2016	Dư có 01/01/2016	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Dư nợ 30/06/2016	Dư có 30/06/2016
Thuế giá trị gia tăng phải nộp	-	586.285.635	2.871.630.574	2.851.741.354	-	606.174.855
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	368.304.856	1.269.281.840	843.758.773	-	793.827.923
Thuế thu nhập cá nhân	834.633.368	-	758.741.473	83.160.000	159.051.895	-
Các khoản phí lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	3.000.000	3.000.000	-	-
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	42.059.175	-	1.384.554.677	1.342.495.502	-	-
Tổng	876.692.543	954.590.491	6.287.208.564	5.124.155.629	159.051.895	1.400.002.778

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu kiểm tra của Cơ quan quản lý thuế. Do việc áp dụng Luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của Cơ quan quản lý thuế.

5.12 Phải trả ngắn hạn khác

	30/06/2016 VND	01/01/2016 VND
a) Ngắn hạn	9.351.961.992	19.608.522.449
- Kinh phí công đoàn;	75.923.123	-
- Bảo hiểm xã hội;	-	81.286.038
- Các khoản phải trả, phải nộp khác.	9.276.038.869	19.527.236.411
<i>Phải trả các đội nhận khoán</i>	<i>9.257.933.603</i>	<i>9.279.826.910</i>
<i>Nhận trước tiền góp vốn</i>	<i>-</i>	<i>9.027.244.235</i>
<i>Các khoản phải trả khác</i>	<i>18.105.266</i>	<i>1.220.165.266</i>
Tổng	9.351.961.992	19.608.522.449

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC VÀ MÔI TRƯỜNG VIỆT NAM
 Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

5.13 Vốn chủ sở hữu

5.13.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
Số dư tại 01/01/2015	21.000.000.000	-	8.884.037.659	6.058.424.825	35.942.462.484
Tăng trong năm	-	-	1.276.460.621	6.732.182.043	8.008.642.664
Tăng vốn	-	-	-	-	-
Lợi nhuận sau thuế	-	-	-	6.732.182.043	6.732.182.043
Trích lập các quỹ	-	-	1.276.460.621	-	1.276.460.621
Giảm trong năm	-	-	-	6.058.424.825	6.058.424.825
Chia trả cổ tức	-	-	-	3.360.000.000	3.360.000.000
Trích lập các quỹ	-	-	-	1.276.460.621	1.276.460.621
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	1.421.964.204	1.421.964.204
Số dư tại 31/12/2015	21.000.000.000	-	10.160.498.280	6.732.182.043	37.892.680.323
Số dư tại 01/01/2016	21.000.000.000	-	10.160.498.280	6.732.182.043	37.892.680.323
Tăng trong kỳ	8.998.490.000	28.754.235	1.418.470.756	4.795.682.886	15.241.397.877
Lợi nhuận sau thuế	-	-	-	4.795.682.886	4.795.682.886
Trích lập các quỹ	-	-	1.418.470.756	-	1.418.470.756
Tăng vốn trong kỳ	8.998.490.000	28.754.235	-	-	9.027.244.235
Giảm trong kỳ	-	-	-	6.732.182.043	6.732.182.043
Chia trả cổ tức	-	-	-	3.360.000.000	3.360.000.000
Trích lập các quỹ	-	-	-	1.418.470.756	1.418.470.756
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	1.953.711.287	1.953.711.287
Số dư tại 30/06/2016	29.998.490.000	28.754.235	11.578.969.036	4.795.682.886	46.401.896.157

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC VÀ MÔI TRƯỜNG VIỆT NAM

Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

5.13.2. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	30/06/2016 VND	01/01/2016 VND
Tổng Công ty Tư vấn Xây dựng Việt Nam	10.605.000.000	10.605.000.000
Vốn góp của cổ đông khác	19.393.490.000	10.395.000.000
Tổng	29.998.490.000	21.000.000.000

5.13.3. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Kỳ hoạt động từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND	Năm 2015 VND
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp tại ngày đầu kỳ	21.000.000.000	21.000.000.000
Vốn góp tăng trong kỳ	8.998.490.000	
Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
Vốn góp tại ngày cuối kỳ	29.998.490.000	21.000.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	3.360.000.000	3.360.000.000

5.13.4. Cổ phiếu

	Kỳ hoạt động từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 Cổ phiếu	Năm 2015 Cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	2.999.849	2.100.000
Cổ phiếu phổ thông	2.999.849	2.100.000
Cổ phiếu quỹ	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/CP

5.14 Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán

	30/06/2016 VND	01/01/2016 VND
Ngoại tệ các loại		
USD	6.924,94	19.421,94
EUR	273,41	278,28

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC VÀ MÔI TRƯỜNG VIỆT NAM
 Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

5.15 Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Kỳ hoạt động từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND	Năm 2015 VND
Doanh thu dịch vụ tư vấn, khảo sát, thiết kế	57.355.156.078	107.616.167.791
Doanh thu vật tư, xây lắp	779.151.965	4.534.149.152
Doanh thu kinh doanh nước sạch	78.327.400	157.290.452
Tổng	58.212.635.443	112.307.607.395

5.16 Giá vốn hàng bán

	Kỳ hoạt động từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND	Năm 2015 VND
Giá vốn dịch vụ tư vấn, khảo sát, thiết kế	48.049.455.008	91.187.697.890
Giá vốn vật tư, xây lắp	821.193.143	4.736.881.640
Giá vốn kinh doanh nước sạch	211.280.379	448.355.463
Tổng	49.081.928.530	96.372.934.993

5.17 Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ hoạt động từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND	Năm 2015 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	496.111.162	936.510.336
Cổ tức và lợi nhuận được chia	319.800.000	537.414.600
Chênh lệch tỷ giá	5.059.070	19.119.580
Tổng	820.970.232	1.493.044.516

5.18 Chi phí hoạt động tài chính

	Kỳ hoạt động từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND	Năm 2015 VND
Chênh lệch tỷ giá	4.928.173	545.277
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	-	166.387.495
Tổng	4.928.173	166.932.772

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC VÀ MÔI TRƯỜNG VIỆT NAM

Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

5.19 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Kỳ hoạt động từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND	Năm 2015 VND
Chi phí nhân viên quản lý	1.733.225.500	3.783.141.311
Chi phí đồ dùng văn phòng	240.444.506	412.275.743
Chi phí khấu hao TSCĐ	148.590.486	255.572.738
Thuế, phí, lệ phí	26.650.484	118.066.967
Phân bổ lợi thế kinh doanh doanh nghiệp	197.800.000	395.600.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	847.077.887	2.730.906.493
Chi phí bằng tiền khác	717.404.474	1.316.234.497
Tổng	3.911.193.337	9.011.797.749

5.20 Lợi nhuận khác

	Kỳ hoạt động từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND	Năm 2015 VND
Thu nhập khác	29.409.091	399.903.803
Thu thanh lý TSCĐ, CCDC	-	245.371.075
Thu từ cho thuê cửa hàng, văn phòng	25.909.091	147.032.728
Thu từ chấm dứt hợp đồng lao động	3.500.000	7.500.000
Chi phí khác	-	151.826.240
Tiền phạt thuế	-	13.957.425
Chi phí khác	-	137.868.815
Thu nhập khác/chi phí khác (thuần)	29.409.091	248.077.563

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC VÀ MÔI TRƯỜNG VIỆT NAM

Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

5.21 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Kỳ hoạt động từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND	Năm 2015 VND
Lợi nhuận/ (Lỗ) trước thuế	6.064.964.726	8.497.063.960
Điều chỉnh tăng	24.298.185	62.541.170
+ <i>Thu lao HĐQT không làm việc trực tiếp</i>	24.000.000	48.000.000
+ <i>Tiền phạt và truy thu thuế</i>	-	13.957.425
+ <i>Chênh lệch tỷ giá đánh giá cuối kỳ</i>	298.185	583.745
Điều chỉnh giảm	319.800.000	537.414.600
+ <i>Cổ tức được chia</i>	319.800.000	537.414.600
Thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	5.769.462.911	8.022.190.530
Thuế suất	22%	22%
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	1.269.281.840	1.764.881.917
Tổng	1.269.281.840	1.764.881.917

5.22 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Kỳ hoạt động từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND	Năm 2015 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	4.795.682.886	6.732.182.043
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	4.795.682.886	6.732.182.043
Số trích quỹ khen thưởng phúc lợi (trường hợp trích quỹ từ lợi nhuận sau thuế)	-	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (CP)	2.865.617	2.100.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	1.674	3.206

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC VÀ MÔI TRƯỜNG VIỆT NAM
Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

5.23 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Kỳ hoạt động từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND	Năm 2015 VND
Chi phí nguyên vật liệu	452.977.578	626.653.886
Chi phí nhân công	26.096.112.470	43.187.354.118
Chi phí khấu hao tài sản cố định	248.664.318	415.272.483
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.003.657.137	6.961.435.277
Chi phí khác bằng tiền	17.197.177.421	35.360.601.231
Tổng	45.998.588.924	86.551.316.995

6. THÔNG TIN KHÁC

6.1 Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính năm 2015 của Công ty đã được kiểm toán.

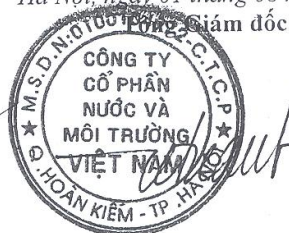
Người lập

Lê Thị Thu Hương

Kế toán trưởng

Ngô Lan Phương

Hà Nội, ngày 01 tháng 08 năm 2016



Lê Văn Tuấn

AMTPH